

VÀI NÉT VỀ TÌNH HÌNH TÔN GIÁO Ở TỈNH LÂM ĐỒNG

LÊ MINH QUANG^(*)

Lâm Đồng là một tỉnh miền núi ở nam Tây Nguyên có diện tích 976.274 km², dân số 1,2 triệu người. Trong đó người dân tộc thiểu số là 250.423 người, chiếm 21% dân số. Là một tỉnh có lãnh thổ nằm trọn trong miền nội địa của đất nước, không có bờ biển, không có đường biên giới quốc gia, giáp các tỉnh Khánh Hoà, Bình Thuận, Đồng Nai, Bình Phước và Đắk Lắk. Với vị trí địa lý như vậy, Lâm Đồng là điểm nối giữa nam Tây Nguyên với miền đông Nam Bộ, Thành phố Hồ Chí Minh và Ninh Thuận.

Tôn giáo ở Lâm Đồng là một bức tranh đa sắc. Điều đó biểu hiện ở chỗ trong bức tranh đa sắc đó có mặt gần như tất cả các mảng màu tôn giáo lớn ở Việt Nam: Phật giáo, Công giáo, 14 hệ phái Tin Lành và 4 hệ phái Cao Đài (Ban Chỉnh Đạo, Tây Ninh, Truyền giáo và Cầu Kho Tam Quan) với tổng số tín đồ gần 700.000 người (chiếm hơn 60% dân số toàn tỉnh), 1.245 chức sắc, 450 cơ sở thờ tự.

Đạo Công giáo: năm 1917, linh mục quản lý Hội Thừa sai Paris tại Viễn Đông là Nicolas Couveur đã đến Đà Lạt với mục đích tìm nơi an dưỡng cho các giáo sĩ nên đã xây dựng một dưỡng viện giáo đồ. Tháng 4 năm 1920 thành lập giáo sở Đà Lạt. Ngày 27/11/1960, theo sắc chỉ của Tòa Thánh, Giáo phận Đà

Lạt được thành lập gồm địa bàn của 4 tỉnh Tuyên Đức, Lâm Đồng, Phước Long và Quảng Đức. Sau gần 90 năm đạo Công giáo du nhập và phát triển, hiện nay toàn tỉnh có 306.000 tín đồ, 180 chức sắc gồm 01 giám mục, 179 linh mục (có 04 linh mục là người dân tộc thiểu số), 824 tu sĩ nam nữ, 140 cơ sở thờ tự gồm nhà thờ, nhà nguyện, đền thánh ... 38 dòng tu và tu hội, 21 hội đoàn.

Phật giáo: là một tôn giáo có đông tín đồ nhất tỉnh với tổng số tín đồ 310.000 người, 822 chức sắc từ phẩm đại đức và tương đương trở lên (6 hoà thượng, 4 ni trưởng), 193 cơ sở thờ tự gồm: chùa, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường, thiền viện; 46 Gia đình Phật tử, khoảng 500 huynh trưởng và 3.000 đoàn sinh.

Đạo Tin Lành: năm 1929, vợ chồng giáo sĩ H. A. Jacson đến truyền giáo ở Lâm Đồng. Đến năm 1975, đạo Tin Lành có 17.000 tín đồ người Kinh và dân tộc thiểu số, 24 mục sư, 52 truyền đạo. Hiện nay, có 14 hệ phái với 67.408 tín đồ. Trong đó, người dân tộc thiểu số là 64.283 người, 100 mục sư và truyền đạo (kể cả những người chưa được Nhà nước công nhận).

Đạo Cao Đài: có 4 hệ phái gồm Cao Đài Tây Ninh, Cao Đài Cầu Kho Tam Quan, Cao Đài Truyền giáo và Cao Đài

*. ThS., Ban Tôn giáo tỉnh Lâm Đồng.

Ban Chính Đạo với tổng số tín đồ là 10.311 người, 151 chức sắc từ lễ sanh đến giáo sư, 15 cơ sở thờ tự.

Ngoài ra, Lâm Đồng còn có các hiện tượng tôn giáo mới như Thanh Hải Vô Thượng sư, Tổ tiên Chính giáo, Baha'i, Nam tông Phật đường, v.v... Nhưng số lượng tín đồ của các hiện tượng tôn giáo mới này không đáng kể.

Tôn giáo ở Lâm Đồng chủ yếu được hình thành từ các cuộc di dân

Cùng với quá trình khai thác Tây Nguyên, xây dựng Đà Lạt thành một khu nghỉ dưỡng, thực dân Pháp đã chiêu mộ người dân bản xứ lên Đà Lạt để xây dựng cơ sở hạ tầng như đường xá, bưu điện, chợ ... Mặt khác, thực dân Pháp còn cần người lao động để khai khẩn các đồn điền trồng chè, rau, hoa phục vụ tại chỗ và bán ra bên ngoài. Có thể nói, chính nhu cầu khai khẩn nhiều mặt là động lực chính thúc đẩy người dân từ Miền Bắc cho tới Miền Trung vào đây lao động. Đa số cư dân đến đây đều có tôn giáo và khá ngoan đạo. Những người đến từ Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên là những người theo đạo Phật và đạo Cao Đài. Để thoả mãn nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo và nhớ về cố hương, họ đã tự nguyện góp sức xây cất các am thờ bằng gỗ. Sau đó nhờ kinh tế phát triển, họ đã xây dựng nên những ngôi chùa và thánh thất Cao Đài.

Năm 1954, Mỹ - Diệm đã đưa hơn 30.000 đồng bào Công giáo từ Miền Bắc vào Lâm Đồng và bố trí ở các điểm dân cư nhằm bảo vệ các tiểu khu, chi khu và dọc các đường giao thông quan trọng như Tân Thanh, Tân Phát, Tân Bùi (Bảo Lộc); Phú Hiệp, Tân Xuân, Tân Lập (Di Linh), Bình Thạch (Đức Trọng), Lạc Lâm (Đơn Dương); các ấp nội ô và vùng ven phía tây bắc Đà Lạt. Ngoài ra,

năm 1954, dưới sự hướng dẫn của Linh mục Mạnh Trọng Bích, khoảng 4.000 giáo dân của làng Nghị Yên, Cầu Khống thuộc huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh vào định cư ở Đà Lạt. Năm 1957, Linh mục Mai Đức Thạch đưa 600 hộ giáo dân ở Phát Diệm, tỉnh Ninh Bình vào vùng Cầu Đất lập nghiệp.

Sau ngày giải phóng, nhân dân lao động từ các tỉnh Miền Bắc và Miền Trung tiếp tục di cư vào Lâm Đồng và định cư dọc theo các quốc lộ quan trọng. Ở đây, họ đã xây dựng nhiều cơ sở thờ tự. Một điểm nổi bật nhất là nơi nào có đồng bào Miền Bắc thì nơi đó có nhiều nhà thờ, còn nơi nào có đồng bào Miền Trung thì có nhiều chùa và thánh thất Cao Đài.

Ảnh hưởng của tôn giáo ở Lâm Đồng đối với tôn giáo ở Tây Nguyên và Miền Đông Nam Bộ

Lâm Đồng - Đà Lạt là vùng đất mới được khai phá nhưng có một vị trí kinh tế, văn hoá - xã hội và an ninh - quốc phòng hết sức quan trọng đối với khu vực Tây Nguyên và Miền Đông Nam Bộ. Vì thế, ngay từ khi đặt chân đến Lâm Đồng, thực dân Pháp cũng như đạo Công giáo và đạo Tin Lành đã tiến hành xây dựng nhiều công trình tôn giáo, lập địa điểm "truyền giáo Thượng". Thực dân Pháp cùng với Dòng Tên tiến hành xây dựng Giáo hoàng Học viện Thánh Piô X, Viện Đại học Đà Lạt và Tiểu chủng viện Minh Hoà. Đây là những trường đào tạo linh mục, tu sĩ cho khu vực Tây nguyên và Đông Dương. Từ đây, các linh mục, tu sĩ tiến hành truyền đạo vào đồng bào dân tộc và người Kinh.

Chậm hơn nhiều so với đạo Công giáo, năm 1929, vợ chồng mục sư H. A. Jacson đến truyền đạo cho người Kơho

ở huyện Di Linh và đã thành lập trường dạy Kinh Thánh. Năm 1933, đạo Tin Lành mới đặt cơ sở cho việc phát triển một cách quy mô, đã thành lập trường Kinh Thánh ở Đà Lạt và Di Linh để đào tạo mục sư, truyền đạo và truyền đạo sinh cho người dân tộc thiểu số ở nam Tây Nguyên.

Gia đình Phật tử ở Lâm Đồng được thành lập ngày 01/10/1948. Tuy không phải là cái nôi của Gia đình Phật tử của cả nước nhưng hoạt động của Gia đình Phật tử do Nguyễn Châu đứng đầu đã chi phối và chỉ đạo mạnh mẽ hoạt động Gia đình Phật tử ở Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Đắc Lắc, Khánh Hoà, Quảng Nam, Đà Nẵng và Thừa Thiên - Huế...

Tính hai mặt của tôn giáo ở Lâm Đồng

Phát huy tinh thần yêu nước và tinh thần dân tộc trong hai cuộc kháng chiến, chức sắc và tín đồ các tôn giáo ở Lâm Đồng đã cùng nhân dân cả nước đứng lên đấu tranh chống ách xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Trong kháng chiến, Phật giáo cũng như một số chức sắc, tín đồ yêu nước trong đạo Công giáo đã đứng lên sát cánh cùng nhân dân địa phương chống lại chính quyền bù nhìn, đòi dân sinh, dân chủ. Tiêu biểu cho phong trào này là tinh thần đấu tranh của sinh viên, học sinh Phật tử. Một số chùa trong tỉnh là chỗ dựa quan trọng của lực lượng cách mạng, là nơi hội họp, in ấn tài liệu và tổ chức nhiều cuộc biểu tình trên danh nghĩa Phật giáo. Một số chức sắc đã tự thiêu để chống lại sự đàn áp của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Sau ngày đất nước thống nhất, hầu hết chức sắc, tín đồ hăng hái tham gia vào công cuộc xây dựng đất nước, tin tưởng vào con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội ở

nước ta. Bên cạnh đó, họ còn nâng cao cảnh giác và đấu tranh với bọn phản động lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng và chính quyền địa phương.

Tuy nhiên, một số chức sắc, tín đồ và giáo hội của một số tôn giáo đã bị các thế lực phản động lợi dụng, mua chuộc, kích động chống phá phong trào cách mạng. Nhiều người đã tham gia tổ chức Fulrô. Sau ngày giải phóng, một số người vẫn tiếp tục móc nối với bọn phản động bên ngoài để tiếp tục chống đối chính quyền.

Quan hệ hữu cơ giữa tôn giáo và dân tộc ở Lâm Đồng

Lâm Đồng là tỉnh đa dân tộc. Ngoài dân tộc Kinh còn có gần 40 dân tộc thiểu số, bao gồm dân tộc bản địa vùng Trường Sơn - Tây Nguyên và các nơi khác di cư đến. Mỗi dân tộc có đời sống văn hoá mang bản sắc riêng. Đặc trưng của bản sắc văn hoá dân tộc là ngôn ngữ, chữ viết, văn học - nghệ thuật, y phục, phong tục tập quán, quan hệ gia đình, v.v...

Tuy nhiên, cộng đồng các dân tộc bản địa ở Lâm Đồng có nguồn gốc gần gũi về nhiều mặt: tộc người, văn hoá - xã hội, quan hệ thị tộc (mẫu hệ). Trong cộng đồng dân tộc thiểu số, tín ngưỡng nguyên thủy vẫn còn đậm nét. Người dân tộc quan niệm "Vạn vật hữu linh". Mọi hành động trong đời sống hàng ngày đều do tác động của các lực lượng siêu nhiên. Lực lượng siêu nhiên đó là Yàng. Do đó, họ thờ rất nhiều Yàng. Cùng với tín ngưỡng dân gian, người dân tộc thiểu số còn có những lễ hội truyền thống khá hấp dẫn như: lễ hội đâm trâu, lễ hội công chiêng, v.v...

Tuy nhiên, phong tục tập quán của họ cũng lạc hậu và ràng buộc con người rất chặt. Hơn thế, tín ngưỡng cổ truyền

không đủ sức đáp ứng nhu cầu tâm linh của con người thời hiện đại. Do vậy, nó không còn hấp dẫn đối với một bộ phận nhân dân nên đã tạo ra một khoảng trống trong đời sống tâm linh của họ.

Tính cách dễ thấy của đa số đồng bào dân tộc thiểu số là chất phác, thiếu hiểu biết nên lòng tin của họ chủ yếu dựa vào việc làm và kết quả thực tế đạt được, rất cụ thể chứ không trừu tượng. Điều đó dễ đưa đến sự nhẹ dạ, cả tin. Giữa lời nói và việc làm đi đôi với nhau. Họ sống bình đẳng, có chút tự ti và mặc cảm. Bên cạnh đó, đời sống của người dân tộc thiểu số cũng còn rất khó khăn.

Mối quan hệ giữa tôn giáo và dân tộc là mối quan hệ đa chiều giữa sự tác động và bị tác động từ bên ngoài vào hoặc trong nội tại, từ trên xuống hoặc từ dưới lên, giữa cá nhân và cộng đồng... với nội dung đan xen trong những phạm vi khác nhau. Sự tác động giữa chúng là sự tác động tương hỗ, vừa có khả năng thúc đẩy lẫn nhau, vừa có khả năng kìm hãm lẫn nhau. Mặt khác, sự tác động đó không thuần nhất. Vì vậy, có khi bị biến dạng qua vô vàn những tác động khác nhau như lợi ích của giai cấp sử dụng tôn giáo, trình độ người tiếp nhận tôn giáo, v.v... Điều đó được minh định qua những vấn đề sau đây:

Lợi dụng đời sống kinh tế khó khăn, trình độ dân trí thấp, phong tục tập quán lạc hậu và sự hụt hẫng về mặt tâm linh, một số tổ chức tôn giáo đã tiếp xúc, cung cấp tiền, hàng, thuốc chữa bệnh cho những người ốm đau. Các nhà truyền đạo đã rao giảng: “Chúa Giêsu là vị cứu tinh, điu dắt và giải thoát dân tộc ra khỏi số phận nghịch cảnh và đau khổ”. Với những việc làm cụ thể, có lợi trước mắt cũng như những lời hứa hẹn “bù tai” của những

nhà truyền giáo, một bộ phận người dân tộc thiểu số đã tin vào những lời hứa hẹn, tin vào phép lạ, vào cuộc sống tốt đẹp ở thế giới bên kia và họ đã theo đạo.

Việc theo đạo của người dân tộc thiểu số có những tác động tích cực, và cũng có những tác động tiêu cực trong cộng đồng của họ. Khi người dân theo đạo, họ thực hiện chế độ hôn nhân một vợ một chồng, ma chay, cưới xin đơn giản, không tốn kém, không uống rượu, không hút thuốc, không cờ bạc... Đời sống của phụ nữ được nâng lên. Các sinh hoạt tôn giáo lại nhẹ nhàng, không bị ràng buộc bởi những luật lệ, lễ nghi hà khắc. Chính những điều đó đã góp phần tích cực trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường, cuộc sống ổn định.

Bên cạnh tác động tích cực đó, khi người dân tộc thiểu số theo đạo thì tín ngưỡng cổ truyền bị đoạn tuyệt; vai trò của già làng bị mất đi; tình trạng mâu thuẫn, chia rẽ giữa người theo đạo và người không theo đạo ngày càng tăng, gây nên sự mất đoàn kết.

Gắn liền quan hệ giữa tôn giáo và dân tộc là quan hệ giữa tôn giáo và chính trị. Các thế lực chính trị phản động luôn luôn lợi dụng tôn giáo để thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình”, biến một bộ phận tín đồ các tôn giáo vốn yêu dân tộc, yêu quê hương chống lại chính quyền. Chúng chia rẽ dân tộc và kích động tâm lý dân tộc hẹp hòi.

Những đặc điểm tôn giáo như vậy đã đặt ra một số vấn đề trong công tác quản lý nhà nước về tôn giáo mà tỉnh Lâm Đồng cần quan tâm. Đó là vấn đề địch lợi dụng tôn giáo; quản lý đất đai, cơ sở thờ tự; quản lý các hội đoàn; việc xử lý các khiếu kiện liên quan đến tôn giáo và vi phạm chính sách tôn giáo./.